TÒA ÁN NHÂN DÂN **TỈNH BẠC LIÊU**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 168/2025/DS-PT
Ngày 20 tháng 3 năm 2025
V/v tranh chấp quyền sử dụng đất lối đi chung.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH BẠC LIÊU

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Tăng Trần Quỳnh Phương

Các Thẩm phán: Ông Lê Thanh Hùng

Ông Lê Phan Công Trí

- Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Anh Khoa - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Bạc Liêu.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh Bạc Liêu tham gia phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Nhỏ - Kiểm sát viên.

Ngày 20 tháng 3 năm 2025, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Bạc Liêu xét xử phúc thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 150/2024/TLPT-DS ngày 06 tháng 11 năm 2024 về việc "Tranh chấp quyền sử dụng đất lối đi chung".

Do Bản án dân sự sơ thẩm số: 67/2024/DS-ST ngày 26 tháng 9 năm 2024 của Tòa án nhân dân huyện Vĩnh Lợi, tỉnh Bạc Liêu bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số: 141/2024/QĐ-PT ngày 14 tháng 11 năm 2024, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Bà Lê Thị Hoàng O, sinh năm 1958. Địa chỉ: Ấp T, xã L, huyện V, tỉnh Bạc Liêu. (Có mặt)

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của bà Lê Thị Hoàng O: Bà Huỳnh Thị Hồng T, là Luật sư Công ty L1 - chi nhánh tại Bạc Liêu. (Có mặt)

- Bị đơn: Ông Nguyễn Văn T1, sinh năm 1967 (Có mặt)

Bà Trần Thị Đ, sinh năm 1971. (Có mặt)

Cùng địa chỉ: Ấp T, xã L, huyện V, tỉnh Bạc Liêu

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

1. Ủy ban nhân dân huyện V, tỉnh Bạc Liêu. Địa chỉ: Ấp X, thị trấn C, huyện V, tỉnh Bạc Liêu.

Người đại diện theo pháp luật: Ông Trần Anh T2, chức vụ: Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện V, tỉnh Bạc Liêu. Người đại diện theo ủy quyền: Ông Trần Quốc N; chức vụ: Phó Trưởng phòng Tài nguyên và Môi trường huyện V. (Theo văn bản ủy quyền ngày 27/8/2024) (vắng mặt, có yêu cầu xét xử vắng mặt).

2. Ủy ban nhân dân xã L, huyện V, tỉnh Bạc Liêu

Người đại diện theo pháp luật: Ông Nhan Anh D; chức vụ: Chủ tịch Ủy ban nhân dân xã L, huyện V, tỉnh Bạc Liêu. (vắng mặt, có yêu cầu xét xử vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Nguyên đơn bà Lê Thị Hoàng O trình bày: Năm 1996, bà có mua một phần đất phía sau Đình Tân L để xây nhà ở và khi đó đã có con lộ nhỏ, ngang khoảng 1,2m. Sau đó, Đình Tân L làm hàng rào cho thẳng đất và có thừa phần đất giáp ranh con lộ nhỏ nên Đình Tân L cho làm con lộ làm lối đi chung. Do lộ đường C - N nâng lên gây ngập đường đi vào nhà nên bà xin chính quyền địa phương nâng đường đi và được đồng ý. Ông T1 và bà Đ ngăn cản không cho bà nâng đường đi dẫn đến xảy ra tranh chấp đến nay. Hiện trạng phần đất tranh chấp là đường xi măng do bà xây. Theo đơn khởi kiện thì bà yêu cầu tuyên bố lối đi ngang 2m, dài 23m tọa lạc tại ấp T, xã L, huyện V, tỉnh Bạc Liêu vị trí giáp Đình Tân L là lối đi công cộng; buộc ông Nguyễn Văn T1 và bà Trần Thị Đ chấm dứt hành vi ngăn cản thực hiện quyền sử dụng lối đi chung. Sau khi Tòa án tiến hành xem xét, thẩm định thì bà xác định diện tích bà yêu cầu tuyên bố lối đi chung và buộc ông T1, bà Đ chấm dứt hành vi ngăn cản bà thực hiện quyền sử dụng lối đi là 35,9m^2. Đất tọa lạc tại ấp T, xã L, huyện V, tỉnh Bạc Liêu.

Tại phiên tòa sơ thẩm, bà O yêu cầu ông T1 và bà Đ tháo dỡ, di dời toàn bộ hàng rào trên phần đất tranh chấp do trong quá trình Tòa án thụ lý, giải quyết thì ông T1 và bà Đ đã rào đường đi. Bà xin rút một phần yêu cầu khởi kiện là tuyên bố lối đi ngang 2m x dài 23m tọa lạc tại ấp T, xã L, huyện V, tỉnh Bạc Liêu vị trí giáp Đình Tân L là lối đi công cộng. Ngoài ra, bà không có yêu cầu gì khác.

Bị đơn ông Nguyễn Văn T1 và bà Trần Thị Đ trình bày: Ông bà có quan hệ là vợ chồng. Vào năm 1993, ông Trương Văn N1 (là người của Đình Tân L) đăng ký kê khai cấp quyền sử dụng đất thì đã có ranh, phần còn lại là của cha mẹ bà Đ là ông Trần Văn Đ1 và bà Tô Thị B. Phần đất tranh chấp là của cha mẹ bà Đ sử dụng trồng rẫy như rau muốn, đậu. Phần bờ rẫy thì ông Đ1 và bà B có cho sử dụng làm đường đi khoảng 0,6m để đi thẳng đến Miễu Bà. Vào năm 1995 ông Đ1 và bà B cho lại vợ chồng ông bà sử dụng cất nhà ở. Việc cho đất thì không có làm giấy tờ gì và hiện nay ông bà vẫn chưa được cấp quyền sử dụng đất. Hiện trạng phần đất tranh chấp là đường xi măng thì ông bà không biết ai làm. Ông bà thống nhất với diện tích tranh chấp theo đo đạc thực tế là 35,9m^2. Ông bà không đồng ý toàn bộ yêu cầu khởi kiện của bà O.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là Ủy ban nhân dân huyện V trình bày: Đối với yêu cầu tuyên bố phần đất diện tích 35,9m^2 để làm lối đi công cộng của bà O, đề nghị Tòa án căn cứ theo quy định của pháp luật để tiến hành xét xử.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là Ủy ban nhân dân xã L trình bày: Đối với nội dung yêu cầu tuyên bố phần diện tích 35,9m^2 để làm lối đi công cộng của bà O, Ủy ban nhân dân xã L đề nghị Tòa án căn cứ theo quy định của pháp luật để tiến hành xét xử.

Từ nội dung nêu trên, tại Bản án dân sự sơ thẩm số: 67/2024/DS-ST ngày 26 tháng 9 năm 2024 của Tòa án nhân dân huyện Vĩnh Lợi, tỉnh Bạc Liêu đã tuyên xử:

1. Đình chỉ yêu cầu khởi kiện của bà Lê Thị Hoàng O về việc yêu cầu tuyên bố lối đi ngang 2m x dài 23m tọa lạc tại ấp T, xã L, huyện V, tỉnh Bạc Liêu vị trí giáp Đình Tân L là lối đi công cộng.

2. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Lê Thị Hoàng O đối với ông Nguyễn Văn T1 và bà Trần Thị Đ.

2.1. Buộc ông Nguyễn Văn T1 và bà Trần Thị Đ chấm dứt hành vi ngăn cản bà Lê Thị Hoàng O sử dụng phần đất diện tích 35,9m^2 (trong đó có 17,2m^2 thuộc quy hoạch lộ giới đường C - N) thuộc thửa 91, tờ bản đồ số 51 đất tọa lạc tại ấp T, xã L, huyện V, tỉnh Bạc Liêu là lối đi chung (đất giao thông). T3 tứ cạnh kèm theo.

2.2. Buộc ông Nguyễn Văn T1 và bà Trần Thị Đ phải tháo dỡ, di dời toàn bộ hàng rào bằng cây gỗ chắn ngang phần đất lối đi chung.

Ngoài ra, Bản án sơ thẩm còn tuyên về án phí và quyền kháng cáo của các đương sự theo quy định của pháp luật.

Ngày 09/10/2024, bị đơn ông Nguyễn Văn T1, bà Trần Thị Đ kháng cáo yêu cầu Tòa án cấp phúc thẩm hủy toàn bộ Bản án dân sự sơ thẩm số 67/2024/DS-ST ngày 26 tháng 9 năm 2024 của Tòa án nhân dân huyện Vĩnh Lợi, tỉnh Bạc Liêu để thụ lý, xét xử lại do Tòa án nhân dân huyện Vĩnh Lợi chưa làm rõ nguồn gốc, quá trình sử dụng đất, chưa tổ chức họp dân mà kết luận là đất công cộng, xâm phạm quyền và lợi ích hợp pháp của ông T1, bà Đ.

Tại phiên tòa phúc thẩm, ông T1, bà Đ giữ nguyên yêu cầu kháng cáo.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của nguyên đơn bà Lê Thị Hoàng O trình bày:

Căn cứ vào chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, có cơ sở xác định diện tích đất tranh chấp 35,9m^2 là đất công cộng sử dụng vào mục đích giao thông nên việc Tòa án cấp sơ thẩm buộc ông T1 và bà Đ chấm dứt hành vi ngăn cản bà O sử dụng phần đất tranh chấp, buộc ông T1, bà Đ tháo dỡ, di dời toàn bộ hàng rào ngang phần đất tranh chấp là phù hợp với quy định của pháp luật. Vì vậy, đề nghị cấp phúc thẩm không chấp nhận kháng cáo của phía bị đơn, giữ nguyên Bản án dân sự sơ thẩm số: 67/2024/DS-ST ngày 26 tháng 9 năm 2024 của Tòa án nhân dân huyện Vĩnh Lợi, tỉnh Bạc Liêu.

Bà Lê Thị Hoàng O đề nghị cấp phúc thẩm không chấp nhận kháng cáo của phía bị đơn, giữ nguyên Bản án dân sự sơ thẩm số: 67/2024/DS-ST ngày 26 tháng 9 năm 2024 của Tòa án nhân dân huyện Vĩnh Lợi, tỉnh Bạc Liêu

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bạc Liêu phát biểu ý kiến:

- Về việc chấp hành pháp luật tố tụng: Từ khi thụ lý đến khi xét xử phúc thẩm, Thẩm phán, Hội đồng xét xử phúc thẩm, Thư ký và các đương sự đã thực hiện đúng các quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

- Về quan điểm giải quyết vụ án: Căn cứ khoản 1 Điều 308 của Bộ luật Tố tụng dân sự, đề nghị Hội đồng xét xử không chấp nhận kháng cáo của ông Nguyễn

Văn T1, bà Trần Thị Đ. Giữ nguyên Bản án dân sự sơ thẩm số: 67/2024/DS-ST ngày 26 tháng 9 năm 2024 của Tòa án nhân dân huyện Vĩnh Lợi, tỉnh Bạc Liêu.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu toàn bộ các tài liệu, chứng cứ có lưu trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa, nghe ý kiến tranh luận của các đương sự và ý kiến phát biểu của đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bạc Liêu, sau khi thảo luận, nghị án, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng:

[1.1] Đơn kháng cáo của ông Nguyễn Văn T1, bà Trần Thị Đ nộp trong thời hạn luật định. Ông T1, bà Đ đã nộp tiền tạm ứng án phí phúc thẩm. Căn cứ Điều 273 và Điều 276 Bộ luật Tố tụng dân sự được chấp nhận xét xử theo thủ tục phúc thẩm.

[1.2] Ủy ban nhân dân huyện V và Ủy ban nhân dân xã L vắng mặt, có yêu cầu xét xử vắng mặt. Căn cứ khoản 2 Điều 296 Bộ luật Tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử tiến hành xét vụ án vắng mặt Ủy ban nhân dân huyện V và Ủy ban nhân dân xã L.

[2] Theo Biên bản xem xét, thẩm định tại chỗ ngày 04/6/2024, ngày 24/9/2024; Bản vẽ mặt bằng hiện trạng sử dụng đất ngày 24/6/2024 và Công văn số 181/TTKTTNMT-KT của Trung tâm K thì phần đất tranh chấp có vị trí và số đo như sau:

- Hướng Đông giáp đường C - N có số đo 0,97m;

- Hướng Tây giáp đất bà Lê Thị Hoàng O, phần đất đường đi có số đo 2,31m, 0,55m.

- Hướng Nam giáp Đình Tân L có số đo 7,62m, 11,21m.

- Hướng Bắc giáp phần đất đường đi có số đo 11,35m, 7,43m.

Tổng diện tích 35,9m^2 (trong đó có 17,2m^2 thuộc quy hoạch lộ giới đường C - N) thuộc thửa 91, tờ bản đồ số 51 (đất giao thông).

Hiện trạng trên đất: Nền láng xi măng diện tích 23m^2. Một phần hàng rào, bằng cây gỗ chắn ngang (rào tạm), có chiều dài 0,97m.

[3] Về nội dung: Xét kháng cáo của ông Nguyễn Văn T1, bà Trần Thị Đ yêu cầu Tòa án cấp phúc thẩm hủy Bản án số 67/2024/DS-ST ngày 26 tháng 7 năm 2024 của Toà án nhân dân huyện Vĩnh Lợi, tỉnh Bạc Liêu để thụ lý, xét xử lại do chưa làm rõ nguồn gốc, quá trình sử dụng đất, chưa tổ chức họp dân mà kết luận là đất công cộng, Hội đồng xét xử xét thấy:

Theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất do Ủy ban nhân dân huyện V cấp ngày 20/4/1999 cho hộ Đ2 xã L, có phần đất tại thửa 120, tờ bản đồ số 07, diện tích 1204m^2, đất toạ lạc tại ấp T, xã L, huyện V, tỉnh Bạc Liêu. Tại mục thay đổi sau khi cấp giấy thì ngày 23/3/2020, Nhà nước thu hồi thửa 120, tờ bản đồ số 07, diện tích 1204m^2.

Theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất cấp ngày 15/03/2023 thì Ủy ban nhân dân huyện V cấp quyền sử

dụng đất cho Đình Tân L diện tích 801,5m^2 tại thửa số 51, tờ bản đồ số 51, đất toạ lạc tại ấp T, xã L, huyện V, tỉnh Bạc Liêu. Sơ đồ thửa đất thể hiện giáp phần đất Đình Tân L có đường Bê tông.

Tại Bản vẽ mặt bằng hiện trạng sử dụng đất ngày 24/06/2024 của Trung tâm K thì phần đất tranh chấp giáp với hiện trạng đường đi diện tích 22,2m^2 và giáp với Đình Tân L diện tích 802,9m^2 thuộc thửa 91, tờ bản đồ số 51 (một phần thửa 120, tờ số 7 cũ).

Tại Biên bản lấy lời khai ngày 20/09/2024, ông Lâm Văn Đ3 – Trưởng ban trị sự Đình Tân L xác định: Nguồn gốc đất tranh chấp giữa bà O và ông T1 là của Đình Tân L. Tuy nhiên, đến năm 2020, Nhà nước đã thu hồi phần đất này (trước kia phần đất này nằm trong thửa 120, tờ bản đồ số 07, diện tích 1.204m^2). Đến năm 2023, Đình Tân L được cấp quyền sử dụng đất lại thì không có phần đất tranh chấp này. Đình Tân L không liên quan gì đến đất tranh chấp.

Tại Biên bản xác minh cán bộ địa chính Ủy ban nhân dân xã L ngày 25/9/2024 xác định: Theo Sổ mục kê thành lập theo bản đồ chính quy năm 2019 thì thửa 91, tờ bản đồ số 51 do Ủy ban nhân dân xã L đứng tên. Mục đích sử dụng: Đất giao thông, hiện chưa cấp quyền sử dụng đất cho ai.

Theo điểm e khoản 2 Điều 10 Luật Đất đai năm 2013 thì: *Nhóm đất phi nông nghiệp bao gồm các loại đất sau đây: e) Đất sử dụng vào mục đích công cộng gồm đất giao thông (gồm cảng hàng không, sân bay, cảng đường thủy nội địa, cảng hàng hải, hệ thống đường sắt, hệ thống đường bộ và công trình giao thông khác); thủy lợi; đất có di tích lịch sử - văn hóa, danh lam thắng cảnh; đất sinh hoạt cộng đồng, khu vui chơi, giải trí công cộng; đất công trình năng lượng; đất công trình bưu chính, viễn thông; đất chợ; đất bãi thải, xử lý chất thải và đất công trình công cộng khác;*

Như vậy, có cơ sở xác định diện tích đất tranh chấp 35,9m^2 là đất giao thông, sử dụng vào mục đích công cộng, không thuộc quyền quản lý của cá nhân nào nhưng việc sử dụng lối đi chung phải chịu sự quản lý của Ủy ban nhân dân xã L.

Căn cứ Điều 91 Bộ luật Tố tụng dân sự quy định về nghĩa vụ chứng minh *"Đương sự có yêu cầu Tòa án bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của mình phải thu thập, cung cấp, giao nộp cho Tòa án tài liệu, chứng cứ để chứng minh cho yêu cầu đó là có căn cứ và hợp pháp.*

...

Đương sự có nghĩa vụ đưa ra chứng cứ để chứng minh mà không đưa ra được chứng cứ hoặc không đưa ra đủ chứng cứ thì Tòa án giải quyết vụ việc dân sự theo những chứng cứ đã thu thập được có trong hồ sơ vụ việc."

Ông T1 và bà Đ xác định, nguồn gốc đất tranh chấp là của cha mẹ bà Đ cho lại ông bà nhưng không cung cấp được tài liệu chứng cứ chứng minh cho lời trình bày này.

Thực tế, bà O đang trực tiếp sử dụng phần đất giao thông 35,9m^2 để đi ra đường C - N nhưng ông T1, bà Đ ngăn cản và rào chắn. Do đó, Tòa án cấp sơ thẩm

buộc ông T1 và bà Đ chấm dứt hành vi ngăn cản bà O sử dụng phần đất tranh chấp, buộc ông T1, bà Đ tháo dỡ, di dời toàn bộ hàng rào ngang phần đất tranh chấp 35,9m^2 là phù hợp với quy định của pháp luật.

[4] Chi phí tố tụng về xem xét, thẩm định và định giá là 6.859.225 đồng. Do yêu cầu khởi kiện của bà O được chấp nhận nên ông T1 và bà Đ phải chịu theo quy định tại Điều 157 Bộ luật Tố tụng dân sự. Bà O đã nộp xong và chi hết. Do đó, ông T1 và bà Đ có nghĩa vụ hoàn trả cho bà O số tiền 6.859.225 đồng.

[5] Về án phí:

[5.1] Do có căn cứ chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà O nên ông T1, bà Đ phải chịu án phí dân sự sơ thẩm không có giá ngạch là 300.000 đồng. Bà O không phải chịu. Bà O đã nộp tạm ứng án phí số tiền 300.000 đồng theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0004036 ngày 06/5/2024 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Vĩnh Lợi, tỉnh Bạc Liêu, được hoàn lại toàn bộ số tiền đã nộp.

[5.2] Do không có căn cứ chấp nhận kháng cáo của ông T1, bà Đ nên ông T1, bà Đ phải chịu án phí dân sự phúc thẩm là 300.000 đồng. Ông T1, bà Đ đã nộp tạm ứng án phí 300.000 đồng theo biên lai thu số 0004319 ngày 17/10/2024 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Vĩnh Lợi, tỉnh Bạc Liêu, được chuyển thu án phí.

[6] Từ những phân tích nêu trên, không có căn cứ chấp nhận kháng cáo của ông Nguyễn Văn T1, bà Trần Thị Đ. Xét đề nghị của Kiểm sát viên tại phiên toà là phù hợp nên Hội đồng xét xử ghi nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 308 Bộ luật Tố tụng dân sự.

Không chấp nhận yêu cầu kháng cáo của ông Nguyễn Văn T1, bà Nguyễn Thị Đ4. Giữ nguyên Bản án dân sự sơ thẩm số: 67/2024/DS-ST ngày 26 tháng 9 năm 2024 của Tòa án nhân dân huyện Vĩnh Lợi, tỉnh Bạc Liêu.

Căn cứ vào Điều 5, khoản 9 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm c khoản 1 Điều 39, Điều 157, khoản 1 Điều 165, Điều 244, khoản 1 Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ Điều 169 Bộ luật Dân sự;

Căn cứ Điều 10, Điều 170 Luật Đất đai;

Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Đình chỉ yêu cầu khởi kiện của bà Lê Thị Hoàng O về việc yêu cầu tuyên bố lối đi ngang 2m x dài 23m tọa lạc tại ấp T, xã L, huyện V, tỉnh Bạc Liêu vị trí giáp Đình Tân L là lối đi công cộng.

2. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Lê Thị Hoàng O đối với ông Nguyễn Văn T1 và bà Trần Thị Đ.

2.1. Buộc ông Nguyễn Văn T1 và bà Trần Thị Đ chấm dứt hành vi ngăn cản bà Lê Thị Hoàng O sử dụng phần đất diện tích 35,9m^2 (trong đó có 17,2m^2 thuộc quy hoạch lộ giới đường C - N) thuộc thửa 91, tờ bản đồ số 51 đất tọa lạc tại ấp T, xã L, huyện V, tỉnh Bạc Liêu là lối đi chung (đất giao thông). Đất có vị trí và số đo như sau:

- Hướng Đông giáp đường C - N có số đo 0,97m;

- Hướng Tây giáp đất bà Lê Thị Hoàng O, phần đất đường đi có số đo 2,31m, 0,55m.

- Hướng Nam giáp Đình Tân L có số đo 7,62m, 11,21m.

- Hướng Bắc giáp phần đất đường đi có số đo 11,35m, 7,43m.

2.2. Buộc ông Nguyễn Văn T1 và bà Trần Thị Đ phải tháo dỡ, di dời toàn bộ hàng rào bằng cây gỗ chắn ngang phần đất lối đi chung.

(Bản vẽ mặt bằng hiện trạng sử dụng đất ngày 24/6/2024 của Trung tâm K thuộc Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh B là một phần của bản án này).

3. Chi phí tố tụng là 6.859.225 đồng. Buộc ông Nguyễn Văn T1 và bà Trần Thị Đ có trách nhiệm hoàn trả cho bà Lê Thị Hoàng O số tiền 6.859.225 đồng.

4. Về án phí:

4.1. Án phí dân sự sơ thẩm: Ông Nguyễn Văn T1, bà Trần Thị Đ phải chịu án phí dân sự sơ thẩm không có giá ngạch là 300.000 đồng. Bà Lê Thị Hoàng O không phải chịu án phí. Bà Lê Thị Hoàng O đã nộp tạm ứng án phí số tiền 300.000 đồng theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0004036 ngày 06/5/2024 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Vĩnh Lợi, tỉnh Bạc Liêu, được hoàn lại toàn bộ số tiền đã nộp.

4.2. Án phí dân sự phúc thẩm: Ông Nguyễn Văn T1, bà Trần Thị Đ phải chịu án phí dân sự phúc thẩm là 300.000 đồng. Ông Nguyễn Văn T1, bà Trần Thị Đ đã nộp tạm ứng án phí 300.000 đồng theo biên lai thu số 0004319 ngày 17/10/2024 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Vĩnh Lợi, tỉnh Bạc Liêu, được chuyển thu án phí.

5. Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:
- TANDCC tại TP. Hồ Chí Minh;
- VKSND tỉnh Bạc Liêu;
- TAND huyện Vĩnh Lợi;
- CCTHADS huyện Vĩnh Lợi;
- Đương sự;
- Lưu, Tổ HCTP.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Tăng Trần Quỳnh Phương